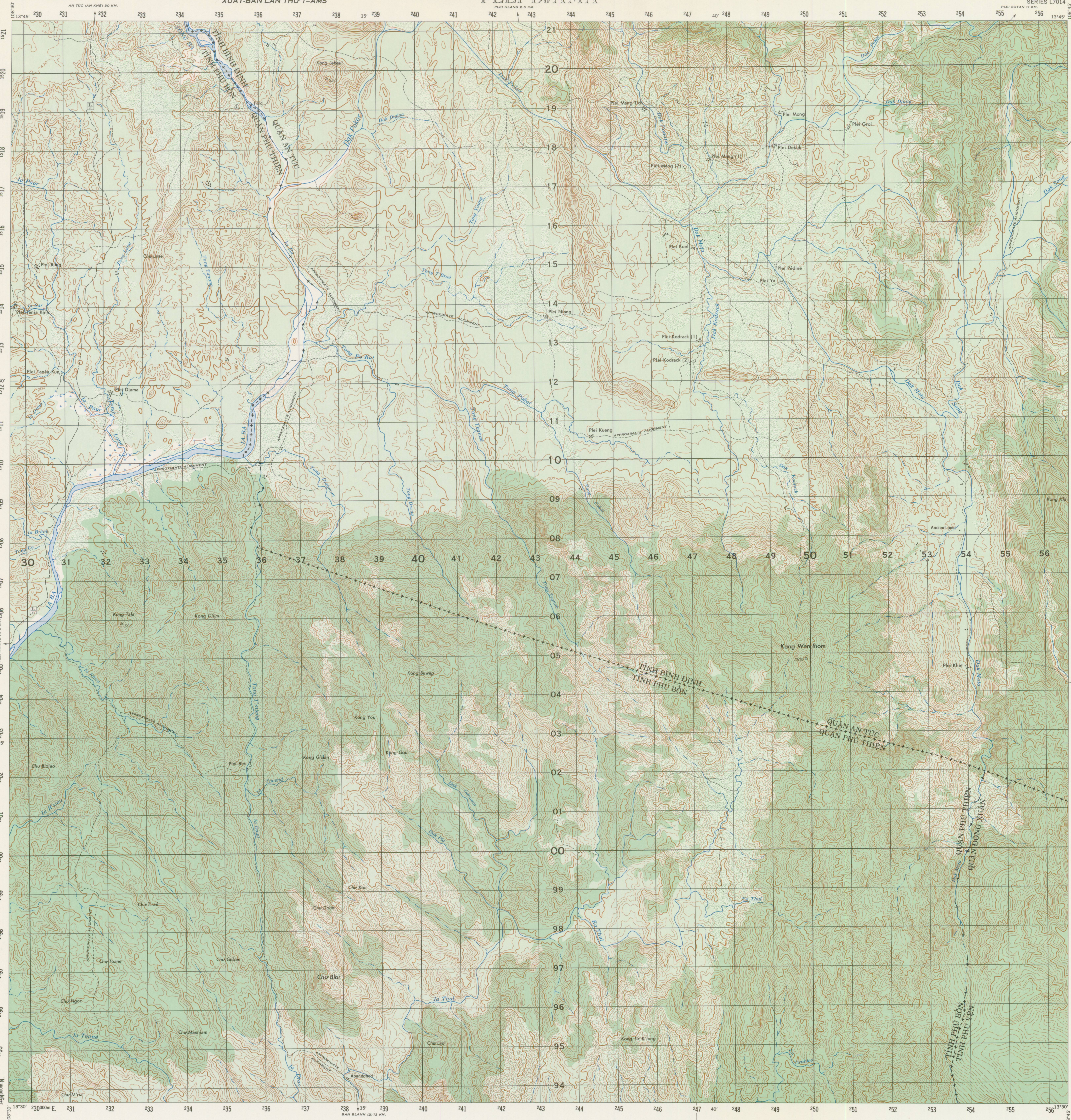




LEGEND—CHỮ TỰ
MAP INFORMATION AS OF 1965
BẢN ĐỒ TIN TỨC NĂM 1965

On this map a LANE is considered as being a minimum of 2.4 m. (8 feet) in width. *Trên bản đồ này một LỐI XE ĐẠ ĐƯỢC CÒI NHƯ RỘNG ÍT NHẤT 2.4 mét*

Dense forest or jungle indicates more than 75 percent of ground is concealed by canopy with undergrowth generally impassable on foot. Clear forest indicates more than 25 percent of ground is concealed by canopy with undergrowth generally passable on foot. Vegetation classified by official identification from aerial photography. *Rừng rậm hay rừng già chỉ rừng cây bao phủ mặt đất trên 25% tập thành vòm cây kín và phía dưới rừng không qua lại được. Rừng thưa chỉ rừng cây bao phủ mặt đất trên 25% tập thành vòm cây kín và phía dưới rừng có thể qua lại được. Thảm thực vật khác theo hướng dẫn*

WHEN REFERRING TO POPULATED PLACE NAMES, INCLUDE UTM GRID COORDINATES
THE NUMBER IN PARENTHESES FOLLOWING A POPULATED PLACE NAME INDICATES MORE THAN ONE PLACE IS SO NAMED WITHIN THE MAP SHEET AREA

ROADS—ĐƯỜNG SÁ

All weather, hard surface, two or more lanes wide
Đường nhựa rộng, có hai hay trên hai làn xe đi

All weather, loose or light surface, two or more lanes wide
Đường rậm, cát hay sỏi, có hai hay trên hai làn xe đi

All weather, loose or light surface, one lane wide
Đường rậm, cát hay sỏi, một làn xe đi

Feet or dry weather, loose surface—Đường đất

Cart track—Đường xe ngựa, đường bộ

Footpath, trail—Đường mòn, đường bộ

ROUTE MARKERS—DẤU HIỆU ĐƯỜNG SÁ

National, international
Quốc tế, Liên tỉnh

Provincial, commercial or other
Tỉnh, thương mại, khác

HAO LÔNG

Province office, Delegation office
Văn phòng hành chính Tỉnh, Văn phòng hành chính Quận

Task Well, Spring
Cổ nước, Cốc nước

Coffee, Rubber
Cà phê, Cao su

Palm, Breadfruit
Cùi dừa, Dứa

Pin, Bamboo
Tre

Lake or pond; Perennial, intermittent
Hồ hay ao; Có nước quanh năm; Tầm mùa

Scale Tỷ lệ 1:50,000

1 1/2 0 1 2 3 Statute Miles

1000 500 0 1000 2000 3000 4000 Meters

1000 500 0 1000 2000 3000 4000 Yards

CONTOUR INTERVAL—20 METERS
SUPPLEMENTARY CONTOURS—10 METERS
RELIEF PARTIALLY SHOWN BY FORM LINES

SPHEROID: EVEREST
GRID: 1,000 METER UTM: ZONE 48 (BLACK NUMBERED LINES)
PROJECTION: TRANSVERSE MERCATOR
VERTICAL DATUM: MEAN SEA LEVEL AT HA TIEN
HORIZONTAL DATUM: INDIAN DATUM 1960

CREDITS

PREPARED BY AMS (LU), U.S. ARMY, 1966
NAMES BY NG5, VIETNAM
CONTROL BY 29TH ENGR BN, NG5, VIETNAM
PRINTED BY AMS (BD), U.S. ARMY

REFER CORRECTIONS TO THIS MAP TO COMMANDING OFFICER, ARMY MAP SERVICE, WASHINGTON, D.C.
XIN GỬI NHỮNG SỬ SỬA ĐỔI TRONG BẢN ĐỒ NÀY CHỈ PHẠC HOA VỚI TÍNH CÁCH ĐẠI CƯƠNG

DELINEATION OF INTERNAL ADMINISTRATIVE BOUNDARIES IS APPROXIMATE
RANH GIỚI HÀNH CHÍNH TRÊN BẢN ĐỒ NÀY CHỈ PHẠC HOA VỚI TÍNH CÁCH ĐẠI CƯƠNG

GLOSSARY—CÔ TỰ

Bản, Chư, Dak, Ea, Ia, Kong, Plei, Sông, Tòng

village, mountain, stream, stream, mountain, village, stream, stream

ELEVATION GUIDE
CHỈ DẪN CAO ĐỘ

BOUNDARIES
NHỮNG ĐỊA GIỚI

ADJOINING SHEETS
BẢNG RÁP ĐỊA ĐỒ

VIETNAMESE
Tỉnh, Khu or Tỉnh, Province, District, County, Xã or Làng, Village, Hamlet, Ap, Thôn, Village, Hamlet, Town

COMPARABLE
U.S. UNIT, 1:250,000

Sheet 6736 III falls within 15010, NO 49-9, 1:250,000

TO OBTAIN A STANDARD REFERENCE
TO THE SHEET TO LOCATE IN METERS

SAMPLE POINT: PLEI NANG

TO CONVERT A MAGNETIC AZIMUTH TO A GRID AZIMUTH
MŨI ĐỘ PHƯƠNG-GIÁC TỰ THÀNH PHƯƠNG-GIÁC Ồ VUÔNG CỘNG THÊM GÓC V-T

TO CONVERT A GRID AZIMUTH TO A MAGNETIC AZIMUTH
MŨI ĐỘ PHƯƠNG-GIÁC Ồ VUÔNG TRỪ GÓC V-T

GRID CONVERGENCE
HỆ TỌA ĐỘ TỰ ĐƯƠNG HẸ Ồ VUÔNG TÍNH Ở TRUNG-TÂM BẢN ĐỒ 0°34' 00 MILS; MILU

TRUE NORTH
BẮC ĐỊA-ĐÚY

GRID CONVERGENCE
HỆ TỌA ĐỘ TỰ ĐƯƠNG HẸ Ồ VUÔNG TÍNH Ở TRUNG-TÂM BẢN ĐỒ 0°34' 00 MILS; MILU

TO OBTAIN A STANDARD REFERENCE
TO THE SHEET TO LOCATE IN METERS

SAMPLE POINT: PLEI NANG

TO CONVERT A MAGNETIC AZIMUTH TO A GRID AZIMUTH
MŨI ĐỘ PHƯƠNG-GIÁC TỰ THÀNH PHƯƠNG-GIÁC Ồ VUÔNG CỘNG THÊM GÓC V-T

TO CONVERT A GRID AZIMUTH TO A MAGNETIC AZIMUTH
MŨI ĐỘ PHƯƠNG-GIÁC Ồ VUÔNG TRỪ GÓC V-T

GRID CONVERGENCE
HỆ TỌA ĐỘ TỰ ĐƯƠNG HẸ Ồ VUÔNG TÍNH Ở TRUNG-TÂM BẢN ĐỒ 0°34' 00 MILS; MILU

TRUE NORTH
BẮC ĐỊA-ĐÚY

GRID CONVERGENCE
HỆ TỌA ĐỘ TỰ ĐƯƠNG HẸ Ồ VUÔNG TÍNH Ở TRUNG-TÂM BẢN ĐỒ 0°34' 00 MILS; MILU